

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Xây dựng tuyến đường số 8 và một số tuyến đường kết nối khu vực Bắc Cổ Nhuế - Chèm, trên địa bàn phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm

(Kèm theo Quyết định số / QĐ - UBND ngày tháng năm 2024 của UBND quận Bắc Từ Liêm)

I. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT VÀ CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN:

- | | | | |
|---|--|---------------------------------------|--|
| - Họ và tên người sử dụng đất (hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật): | Các đồng sử dụng và các đồng thừa kế theo quy định pháp luật của Bà Nguyễn Thị Mậu | | |
| - Hộ khẩu thường trú: | TDP Viên 6, phường Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội | | |
| - Họ và tên chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất (hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật): | Các đồng sử dụng và các đồng thừa kế theo quy định pháp luật của Bà Nguyễn Thị Mậu | | |
| - Hộ khẩu thường trú: | TDP Viên 6, phường Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội | | |
| - Địa chỉ nơi thu hồi đất: | TDP Viên 5, phường Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội | | |
| - Tổng số nhân khẩu hiện tại nơi thu hồi đất: | 0 | khẩu | (Trong đó: 0 khẩu đủ điều kiện hỗ trợ) |
| - Tổng diện tích đất đang sử dụng: | | | 427,0 m ² ; (0 |
| Trong đó: | | | |
| + Diện tích đất trong chỉ giới thu hồi tại dự án: | | | 427,0 m ² ; |
| Trong đó: | | | |
| + Đất nông nghiệp giao theo ND 64/CP: | | (Đã được cấp GCN QSD đất Nông nghiệp) | 427,0 m ² ; |
| + Đất do UBND phường quản lý: | | | 0 m ² ; |
| + Diện tích đất ngoài chỉ giới thu hồi tại dự án: | | | 0 m ² ; |
| - Tỷ lệ % diện tích đất nông nghiệp được giao theo quy định bị thu hồi đến thời điểm hiện tại: | | | 100,0 % |

II. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ:

1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:

STT	Nội dung bồi thường, hỗ trợ đất	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m ²)	Tỷ lệ BT, HT (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất Nông nghiệp giao theo Nghị định số 64/CP	m ²	427,0	252.000	100%	107.604.000	
	Tổng cộng: (A)					107.604.000	

2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất thu hồi:

2.1. Bồi thường đối với nhà ở, công trình xây dựng hợp pháp theo quy định tại Điều 31, Điều 32 ND 43/2014/ND-CP:

[illegible]

2.2. Hỗ trợ đối với nhà, công trình xây dựng không hợp pháp theo quy định tại Điều 31, Điều 32 ND 43/2014/NĐ-CP:

[illegible]

2.3. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ,...):

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2	Rau muống theo vụ	m ²	427,0	11.000	100%	4.697.000	
	Tổng cộng: (D)					4.697.000	

* Ghi chú: Đối với cây trồng hoặc vật nuôi có thể di chuyển đến cơ sở mới thì căn cứ Khoản 2 Điều 18 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND Thành phố để áp dụng.

3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:

STT	Khoản bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp: (bằng 5 lần giá đất nông nghiệp): 252.000 đồng/m ² * 5 lần = 1.260.000 đồng/m ²	m ²	427,0	1.260.000	538.020.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp:	khẩu	0	5.760.000	0	DT đất NN giao theo ND 64/CP thu hồi trên 70% (Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP)
3	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng:	Sẽ được phê duyệt sau khi người sử dụng đất bàn giao diện tích đất thu hồi theo đúng quy định				
	Tổng cộng: (E)				538.020.000	

III. TỔNG TIỀN BT, HT VÀ TĐC: (A)+(B)+(C)+(D)+(E)**650.321.000 đồng***Sáu trăm năm mươi triệu ba trăm hai mươi một nghìn đồng*

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Ngọc Vân